| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHỢ MỚI**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 135/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 09/8/2018.
V/v tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Tới.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Văn Trí.

Ông Lê Văn Xuyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Tôn Văn Xuyên – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 204/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1986; (có mặt).

Cư trú: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

*Bị đơn* Ông Lê Văn B, sinh năm 1979; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông B cưới nhau vào năm 2005, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Vợ chồng không còn sống chung 03 năm nay. Khoảng 01 năm nay, vợ chồng không liên lạc nhau, không gặp mặt nhau. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, tôi yêu cầu được ly hôn với chồng là ông Lê Văn Bình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Lê Văn H, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2007. Hiện nay, cháu H đang được bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Thời gian đầu vợ chồng không sống chung, ông B có tới lui thăm nom con, một năm trở lại đây ông B không tới lui thăm nom con và thời gian qua ông B cũng không phụ tiếp chi phí nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Lê Văn B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị T và anh B có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Mâu thuẫn giữa anh chị kéo dài từ năm 2015 đến nay, đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, cả hai không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Hiện tại, cháu H đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Mặt khác, cháu H có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo cho cháu H có điều kiện phát triển và ổn định cuộc sống, nghĩ nên để Chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xem xét quyết định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Trần Thị T khởi kiện ông Lê Văn B, ông B cư trú Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Văn B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông B là hợp pháp. Quá trình chung sống do ông B không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Bà T và ông B không còn sống chung khoảng 03 năm nay, không còn liên lạc, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa bà ông, bà không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà T xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Lê Văn H, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2007. Hiện nay, cháu H đang được bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay cháu H đang sống ổn định với bà T, cháu H cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Bà T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông B cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung:* Không có, nên không xét đến.

[6]. *Về nợ chung:* Không có, nên không xét đến.

Ghi nhận bà T xác định vợ chồng không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T và ông B thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử**:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với ông Lê Văn B.

- *Về hôn nhân:* Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Lê Văn B.

- *Về con chung:* Bà Trần Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Văn H, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2007.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Bà Trần Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Văn B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- *Về tài sản chung:* Không đề cập giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0019393 ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thành Tới**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu.